Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Ngày ký: 29-11-2024 17:47:38 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: H23 /BC-UBND	*Khánh Hoà, ngày 29 tháng 11 năm 2024*

BÁO CÁO
Tiếp thu giải trình hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa"

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện Báo cáo thẩm tra số 221/BC-BVHXH ngày 29/11/2024 của Ban Văn hóa – Xã hội về việc thẩm tra dự thảo nghị quyết Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

UBND tỉnh báo cáo giải trình, bổ sung thêm thông tin và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa", với một số nội dung sau:

1. Về nội dung: "Phạm vi điều chỉnh nêu trong dự thảo nghị quyết chỉ quy định "đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Tuy nhiên, trong phần nội dung có quy định "Chế độ trợ giúp xã hội (tại Điều 3)". Ngoài ra, tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định nhiều hình thức trợ giúp xã hội, nhưng theo đề xuất của UBND tỉnh chỉ có mức trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng với mức hỗ trợ có hệ số 1,0".

Đối với nội dung này, UBND tỉnh báo cáo giải trình như sau:

1.1 Về tiêu đề tại Điều 3 trong dự thảo Nghị quyết

- Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Theo đó, Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP chỉ quy định nhóm đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; trên cơ sở các nhóm đối tượng được quy định theo Điều 4, Chính phủ quy định các chế độ liên quan gồm: mức trợ giúp xã hội hàng tháng *(Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);* bảo hiểm y tế *(Điều 9 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)*; giáo dục, đào tạo, dạy nghề *(Điều 10 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)* và chi phí mai táng *(Điều 11 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)* tương ứng với từng nhóm đối tượng nêu trên sẽ quy định.

Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh". Theo đó, tại Điều 2 của dự thảo nghị quyết sẽ quy định đối tượng áp dụng và tiếp thu, điều chỉnh tiêu đề tại Điều 3 thành "Chính sách trợ giúp xã hội" đối với nhóm đối tượng tại Điều 2 gồm: Mức trợ giúp xã hội; Chế độ bảo hiểm y tế và Chế độ mai táng phí.

Như vậy, đối chiếu với từ ngữ trong Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và dự thảo Nghị quyết "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh" là phù hợp và cần thiết, đảm bảo khi Nghị quyết được thông qua, các địa phương có cơ sở thực hiện áp dụng chính sách cho đối tượng.

1.2 Về mức trợ giúp xã hội

Hiện nay, các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đã được hưởng chính sách trợ giúp xã hội tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và được quy định các hệ số khác nhau (từ 1,0 đến 3,0) tùy theo từng diện đối tượng.

Đối với 08 nhóm đối tượng của dự thảo Nghị quyết có hoàn cảnh ít khó khăn hơn các nhóm đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Bên cạnh đó, dự kiến mức trợ cấp xã hội hàng tháng của các nhóm này **đang bằng** với 02 nhóm đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và **thấp hơn** nhóm đối tượng người khuyết tật và trẻ em của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Do vậy, việc đề xuất hệ số 1,0 đối với 08 nhóm đối tượng trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp so với mức độ khó khăn của các đối tượng tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, và đảm bảo tính tương đồng giữa Nghị định của Chính phủ và dự thảo Nghị quyết của địa phương dự kiến ban hành và được các địa phương đồng tình thống nhất.

2. Đối với nội dung: "Tại điểm b, Khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định *"UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cùng cấp quyết định Đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội"*. Triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật "*Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*". Tuy nhiên, với bố cục nội dung dự thảo Nghị quyết như đề xuất hiện nay, đề UBND tỉnh chỉ đạo rà soát quy trình, các bước thực hiện xây dựng dự thảo nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật"

Đối với nội dung này, UBND tỉnh bổ sung giải trình, cung cấp thêm thông tin như sau:

Tại điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định: *"Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban*

nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội";

Về bố cục của dự thảo Nghị quyết:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh;
- Điều 2: Quy định đối tượng áp dụng;
- Điều 3: Chính sách trợ giúp xã hội (Tiếp thu và điều chỉnh tiêu đề *"Chế độ trợ giúp xã hội"* theo ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh), đảm bảo bố cục của dự thảo nghị quyết theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được Sở Tư pháp thẩm định.
- Điều 4: Kinh phí thực hiện
- Điều 5: Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tham mưu hồ sơ nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan (có báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp theo Báo cáo số 90/BC-STP ngày 21/5/2024) và trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, ngày 20/8/2024, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã cho chủ trương thực hiện **quy trình thủ tục rút gọn** tại Công văn số 415/HĐND-VP.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hồ sơ Nghị quyết "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật "*Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*".

Trên đây là Báo cáo tiếp thu giải trình hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa"./.

(Đính kèm Dự thảo Nghị quyết "Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa").

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: SLĐTBXH, KHĐT, TC, XD;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- UBND huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn;
- Lưu: VT, TmN, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2024/NQ-HĐND	*Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA ....., KỲ HỌP THỨ .....

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng đẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ..... ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

a) Người khuyết tật nhẹ là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

b) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3, 6 và 7 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

c) Trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

d) Trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi có cả cha và mẹ là người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

đ) Trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

e) Người cao tuổi thuộc diện hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

g) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

h) Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của cơ quan y tế có thẩm quyền thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, triển khai, thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chính sách trợ giúp xã hội

1. Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này với mức trợ cấp bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với hệ số 1,0.

2. Cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, với mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa …. , nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng ... năm …và có hiệu lực từ ngày … tháng … năm …./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- ĐUK các cơ quan tỉnh, ĐUK doanh nghiệp tỉnh;
- LĐVP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Đài phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa (02 bản);
- Lưu: VT,TN.